

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2025/DS-PT

Ngày 27-8-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Hoàng Thị Thuý Lành

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 377/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng T:

1. Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số H, đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số H, đường C, phường L, tỉnh Tây Ninh).

2. Ông Võ Minh K, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã B, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp K, xã B, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ấp E, xã V, tỉnh Tây Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

3. Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ấp E, xã V, tỉnh Tây Ninh).

4. Ông Nguyễn Hoàng S1, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2 và bà Nguyễn Thị Mộng Đ: Ông Lê Phát Đ1, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số H, đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số H, đường C, phường L, tỉnh Tây Ninh).

5. Ông Nguyễn Văn Á, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng T là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T cùng người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Tuấn D trình bày như sau:

Ngày 10/12/2001, ông Nguyễn Hoàng S1 và bà Nguyễn Thị C1 lập hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho con ruột là ông Nguyễn Hoàng T phần đất tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 17.972m² đất lúa thuộc các thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi tặng quyền sử dụng đất ông S1, bà C1 đã giao đất cho ông Nguyễn Hoàng T sử dụng và giao giấy tờ cho ông T làm thủ tục sang tên. Đến ngày 04/12/2002 bà Nguyễn Thị C1 chết và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 có 06 người gồm Nguyễn Hoàng S1, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Mộng T2, Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn Hoàng T. Khi ông T yêu cầu các đồng thừa kế của bà C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho thì bà T1 không đồng ý. Ngoài hợp đồng tặng cho thì ông S1, bà C1 còn lập di chúc phần đất này cho ông T cùng ngày với hợp đồng tặng cho.

Nay ông Nguyễn Hoàng Tình yêu C công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T với ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị C1 đối với phần đất có diện tích 17.972m², tại các thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Ông Tình yêu C bà Nguyễn Thị Mộng T1 và các đồng thừa kế của bà C1 gồm ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Thị Mộng Đ tiếp tục thực hiện các thủ tục để ông T được nhận toàn bộ phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày như sau:

Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu công nhận di chúc đề ngày 10/12/2001 giữa ông S1, bà C1 với

ông T đối với phần đất có diện tích 17.972m², tại các thửa 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Trước đây ông Nguyễn Hoàng S1 có hứa miệng sẽ cho bà T1 phần đất diện tích 5.000m² vào năm 2021 nhưng thực tế đến nay ông S1 vẫn chưa cho. Còn các anh chị em trong nhà ai cũng được tặng cho quyền sử dụng đất nên mới đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T.

Bà Nguyễn Thị Mộng T1 khởi kiện phản tố yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/12/2001 giữa ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị C1 với ông Nguyễn Hoàng T và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T về việc công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị C1 ngày 10/12/20201. Bà T1 yêu cầu Tòa án chia phần di sản của bà Nguyễn Thị C1 để lại trong khối tài sản chung giữa ông S1 với bà C1 tại phần đất có tổng diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 17.913m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An cho hàng thừa kế thứ nhất thành 06 phần bằng nhau bà được hưởng một phần và xin nhận giá trị tiền là 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2 và bà Nguyễn Thị Mộng Đ do người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Phát Đ1 trình bày:

Ông S1 và bà C1 là vợ chồng có các con là Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Mộng T2, Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn Hoàng T. Ông S1, bà C1 có tạo lập được phần đất diện tích đất lúa là 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10 tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 10/12/2001, ông Nguyễn Hoàng S1 và bà Nguyễn Thị C1 có lập hợp đồng tặng quyền sử dụng đất và di chúc cho con ruột là Nguyễn Hoàng T phần đất diện tích 17.972m², gồm các thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Đối với con gái là Nguyễn Thị Mộng T1 thì ông S1 và bà C1 đã cho tiền và vàng làm đám cưới nên không có cho ruộng còn các con khác thì đã cho quyền sử dụng đất khác và tiền để các con ra ở riêng. Hiện nay, ông T đi làm và vẫn gửi tiền về cho ông S1 tiêu xài.

Nay ông Nguyễn Hoàng S1 khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc đề ngày 10/12/2001 giữa ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị C1 cho ông Nguyễn Hoàng T đối với toàn bộ phần đất đã nêu trên. Xác định di sản của bà Nguyễn Thị C1 là một nửa diện tích quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 17.913m² thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Yêu cầu chia thừa kế theo di chúc cho ông Nguyễn Hoàng T đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị C1 theo tờ di chúc ngày 10/12/2001.

Ông Lê Phát Đ1 đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Mộng T2 và Nguyễn Thị Mộng Đ trình bày:

Phần đất diện tích 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An được ông S1, bà C1 cho Nguyễn Hoàng T

từ năm 2001 còn các ông, bà đã được cha mẹ cho phần đất khác và tiền vàng nên nay không có yêu cầu gì trong phần đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Á trình bày:

Từ tháng 3/2013 ông có thuê của ông Nguyễn Hoàng T phần đất diện tích khoảng 1,7ha, tại các thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An với số tiền 32.300.000 đồng/năm/toàn diện tích đất. Nay ông không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất trên mà sẽ tự thỏa thuận với ông Nguyễn Hoàng T. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Hưng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Nguyễn Thị Mộng T1 về việc tranh chấp “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/12/2001 giữa ông Nguyễn Hoàng T với ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị Mộng C1 đối với phần đất diện tích 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823025 do UBND huyện T cấp ngày 25/8/1996 do ông Nguyễn Hoàng S1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng S1 về việc yêu cầu công nhận di chúc đề ngày 10/12/2001 do ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị C1 lập cho ông Nguyễn Hoàng T đối với phần đất diện tích 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Thị Mộng Đ về việc đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng T đối với phần đất có diện tích 17.913m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823025 được UBND huyện T cấp ngày 25/8/1996 do ông Nguyễn Hoàng S1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Thị Mộng Đ có nghĩa vụ liên hệ với có quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

(Về vị trí của các thửa đất có Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 26-2024 ngày 13/5/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T kèm theo)

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T1 đối với ông Nguyễn Hoàng T về việc tranh chấp thừa kế.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T1 một phần di sản của bà Nguyễn Thị C1 để lại trong khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 17.913m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại

xã V, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823025 được UBND huyện T cấp ngày 25/8/1996 do ông Nguyễn Hoàng S1 đứng tên được quy đổi thành giá trị tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 20/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T là nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn không rút đơn phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm như sau:

Ông Nguyễn Tuấn D là người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2001, ông Nguyễn Hoàng S1 và bà Nguyễn Thị C1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con ruột là ông Nguyễn Hoàng T phần đất diện tích 17.913m², gồm các thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi lập hợp đồng, ông S1, bà C1 đã giao đất và giao giấy tờ liên quan để ông T quản lý, sử dụng và làm thủ tục sang tên. Ngoài hợp đồng tặng cho, ngày 10/12/2001, ông S1 và bà C1 còn lập di chúc cho ông T phần đất trên.

Đến ngày 04/12/2002, bà Nguyễn Thị C1 chết, hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Thị Mộng Đ, bà Nguyễn Thị Mộng T1 và ông Nguyễn Hoàng T. Khi ông T yêu cầu các đồng thừa kế tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho, bà T1 không đồng ý.

Yêu cầu Tòa án phúc thẩm công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và di chúc giữa ông S1, bà C1 với ông T, đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Mộng T1 và các đồng thừa kế khác tiếp tục thực hiện các thủ tục để ông T nhận toàn bộ phần đất theo quy định pháp luật.

Trường hợp xác định hợp đồng tặng cho và di chúc vô hiệu và buộc phân chia thừa kế thì ông Tình yêu C được tính công sức đóng góp, tôn tạo vào đất trong quá trình quản lý, sử dụng đất và đồng ý trả cho bà T1 70.000.000 đồng tương đương 2/3 một suất thừa kế. Ông T không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết bà C1 trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đối với di chúc thì bản chính ông T không cung cấp được cho Toà án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày:

Bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc công nhận hợp đồng tặng cho và di chúc ngày 10/12/2001. Vì ông T tại thời điểm ký hợp đồng chưa đủ năng lực hành vi dân sự; chữ ký của bà C1 chưa được xác minh; hợp đồng không được công chứng, chứng thực và đăng ký theo quy định. Về di chúc, nội dung di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản chung cho một người con, trong khi bà chưa được bảo đảm quyền lợi thừa kế. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và chia phần di sản của bà Nguyễn Thị C1 để lại trong khối tài sản chung với ông S1 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người, bà T1 được hưởng một kỷ phần và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền là 100.000.000 đồng. Bà T1 từ chối nhận 70.000.000 đồng mà ông T đề nghị thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Về Hợp đồng tặng cho ngày 10/12/2001, xét thấy hợp đồng tặng cho này bị vô hiệu toàn bộ. Bởi lẽ, về chủ thể, tại thời điểm giao kết, ông T mới 11 tuổi, không đủ năng lực hành vi dân sự để tự mình xác lập giao dịch (vi phạm Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 1995); về hình thức, hợp đồng không được công chứng, chứng thực theo quy định bắt buộc của pháp luật quy định tại Điều 133, 139, 691 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, yêu cầu của ông T về việc công nhận hiệu lực hợp đồng và buộc các thừa kế thực hiện là không có cơ sở.

Về việc thừa kế theo Di chúc ngày 10/12/2001, vợ chồng ông S1, bà C1 đã lập di chúc cùng ngày hợp đồng tặng cho để lại di sản là 17.913m² đất cho ông T. Đồng thời ông T đã quản lý, sử dụng và cho thuê đất từ năm 2013 mà không có tranh chấp (ngoại trừ bà T1) nên di chúc này là hợp pháp. Khi bà C1 chết ngày 04/10/2002, thừa kế theo di chúc được mở, tuy nhiên tại thời điểm này, bà T1 (con của bà C1) mới 16 tuổi, theo Điều 644 Bộ luật Dân sự 2015, bà T1 là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, được hưởng phần di sản bằng $\frac{2}{3}$ suất của một người thừa kế theo pháp luật. Di sản của bà C1 là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung = $17.913\text{m}^2/2 = 8.956,5\text{m}^2$ trị giá là 629.758.384 đồng; hàng thừa kế theo pháp luật của bà C1 gồm 06 người (ông S1 và 05 người con) nên mỗi suất là 104.959.730 đồng; phần thừa kế bà T1 được hưởng tương đương $\frac{2}{3}$ của một suất thừa kế theo pháp luật.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông T và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Về việc xác định bà C1 có thực sự tham gia xác lập Hợp đồng tặng cho và Di chúc cùng ngày 10/12/2001 hay không, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/12/2001 giữa ông S1 (có ghi tên bà C1) với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm giao kết, ông T mới 11 tuổi, không có đủ năng lực hành vi dân sự để tự mình xác lập giao dịch, vi phạm quy định về chủ thể tại các Điều 22, 131 Bộ luật Dân sự 1995; đồng thời về hình thức, hợp đồng chỉ được lập bằng giấy tay, không có công chứng hoặc chứng thực, vi phạm hình thức bắt buộc đối với hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất theo các Điều 133, 139, 691 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về tờ di chúc ngày 10/12/2001 do ông Nguyễn Hoàng S1 (có ghi tên bà C1) lập, Hội đồng xét xử xét thấy di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế, nên phần di chúc của ông S1 là chưa phát sinh hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Đối với việc bà C1 có thực sự tham gia xác lập hợp đồng tặng cho và di chúc cùng ngày 10/12/2001 hay không, Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thuộc về nguyên đơn là ông T. Tuy nhiên, ông T xuất trình di chúc chỉ là bản phô tô, không có giá trị pháp lý khi bị phía bị đơn phủ nhận tính xác thực, còn hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là bản chính. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn bảo vệ quyền lợi của mình, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu ông T cung cấp bản chính của tờ di chúc, mẫu chữ ký, chữ viết của bà C1 để tiến hành giám định và thông tin người làm chứng để xác minh. Đây là biện pháp cần thiết để xác định sự thật khách quan. Mặc dù vậy, ông T đã từ chối thực hiện toàn bộ các yêu cầu trên và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết bà C1, thể hiện việc ông đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do nguyên đơn không thể cung cấp bất kỳ chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể chứng minh bà C1 có xác lập hợp đồng tặng cho và lập di chúc, do đó Hội đồng xét xử xác định không có sự việc bà C1 có tham gia vào hai giao dịch nêu trên.

[7] Vì vậy, hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông S1, bà C1 với ông T bị vô hiệu theo quy định tại Điều 119, 122, 125 và Điều 129 của Bộ luật Dân sự 2015,

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên vô hiệu mà tuyên hủy hợp đồng là không chính xác, cấp phúc thẩm cần sửa cách tuyên án về phần này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S1 yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc ngày 10/12/2001 do ông S1 (có ghi tên bà C1) lập cho ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông S1 khởi kiện yêu cầu công nhận phần di chúc của bà C1 cho ông T, đây thuộc trường hợp ông S1 không có quyền khởi kiện, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng; ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của ông S1 về việc công nhận tờ di chúc lập cho ông T nhưng không nhận định tờ di chúc này bị vô hiệu và tuyên xử trong bản án là chưa giải quyết triệt để vụ án, các bên không kháng cáo về phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Với những lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho QSDĐ từ ông S1, bà C1 cho ông T; không chấp nhận yêu cầu của ông S1 về việc yêu cầu công nhận di chúc để chia thừa kế theo di chúc cho ông T là có căn cứ. Do đó cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu phản tố của bà T1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà C1 là phù hợp. Cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của ông S1, bà C1 là diện tích đất đo đạc thực tế 17.913m² thuộc các thửa đất số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh), trong đó di sản của bà C1 là ½ khối tài sản chung vợ chồng là 8.956,5m² với giá trị 629.758.384 đồng, chia đều cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người được hưởng là 104.959.730 đồng, nhưng do bà T1 yêu cầu nhận giá trị 01 kỷ phần 100.000.000 đồng, có lợi cho ông T nên án sơ thẩm tuyên chia bà T1 100.000.000 đồng là phù hợp.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày nếu Tòa án không công nhận hợp đồng tặng cho QSDĐ cho ông T, mà chia thừa kế theo pháp luật thì yêu cầu tính công sức đóng góp của ông T, tuy nhiên từ trước đến nay ông T là người quản lý, sử dụng và cho thuê là đã có thu nhập, ông T không tôn tạo làm tăng giá trị đất nên cấp phúc thẩm không chấp nhận; ngoài ra, đại diện nguyên đơn còn trình bày chỉ đồng ý trả cho bà T1 70.000.000 đồng nhưng không được bà T1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không được chấp nhận. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên xác định tờ di chúc là hợp pháp và chia cho bà T1 được hưởng phần di sản của bà C1 với 2/3 giá trị một kỷ phần thừa kế theo pháp luật là không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm tuyên ghi nhận sự thỏa thuận của ông S1 và các đồng thừa kế khác (không bao gồm bà T1) về việc đồng ý chuyển QSDĐ cho ông T phần đất có diện tích 17.913m² nêu trên là chưa phù hợp, khó khăn trong công tác thi hành án nên cấp phúc thẩm cần sửa cách tuyên này, là ghi nhận sự thỏa thuận của ông S1 và các đồng thừa kế khác (bao gồm bà T1 vì bà T1 đã nhận giá trị kỷ phần) giao cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

[11] Từ những phân tích trên, ông Nguyễn Hoàng T kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên như trên.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000 đồng.

[13] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 235 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 21, 116, 117, 119, 122, 129, 407, 457, 459, 502, 611, 612, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 27, 31, 37, 45, 133, 137, 223, 226 Luật Đất đai 2024; các Điều 12, 14, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Nguyễn Thị Mộng T1 về việc “tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/12/2001 giữa ông Nguyễn Hoàng T với ông Nguyễn Hoàng S1 đối với phần đất diện tích 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823025 do UBND huyện T cấp ngày 25/8/1996 do ông Nguyễn Hoàng S1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng S1 về việc yêu cầu công nhận di chúc đề ngày 10/12/2001 giữa ông Nguyễn Hoàng S1, bà Nguyễn Thị C1 cho ông Nguyễn Hoàng T đối với phần đất diện tích 17.972m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hoàng S1, ông Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Thị Mộng Đ và bà Nguyễn Thị Mộng T1 đồng ý giao cho ông Nguyễn Hoàng T có quyền sử dụng phần đất có diện tích 17.913m², thuộc thửa số 2, 4, 8, 10, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823025 được

UBND huyện T cấp ngày 25/8/1996 do ông Nguyễn Hoàng S1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 26-2024 ngày 13/5/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T kèm theo).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

Trường hợp các đương sự không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo bản án, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận có quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T1 đối với ông Nguyễn Hoàng T về việc “tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật”.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải giao (chia) cho bà Nguyễn Thị Mộng T1 một kỷ phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C1 với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải chịu tổng chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 20.228.000 đồng, ông T đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T1 phải chịu 5.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0002156 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; bà Nguyễn Thị Mộng T1 còn phải nộp tiếp số tiền 4.400.000 đồng.

- Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0001939 ngày 07/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; ông T được hoàn lại số tiền 300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Hoàng S1 được miễn.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001724 ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; ông T đã nộp đủ án phí.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc